VĨ MÔ & CHIẾN LƯỢC

Chiến lược tuần:

Hồi phục cùng nhịp giảm lãi suất

NHTM đồng loạt giảm lãi suất huy động



Chính sách thúc đẩy kinh tế



Triển vọng thị trường



Lê Hoàng Phương Nam nam.lhp@miraeasset.com.vn

XEM PHỤ LỤC 1 Ở CUỐI BÁO CÁO VỀ CÁC TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM.

[Tóm tắt]

Thế giới

- **Chứng khoán Mỹ điều chỉnh, áp lực tập trung ở nhóm cổ phiếu AI:** S&P 500 giảm nhẹ 0,47% WoW xuống 7623,68 điểm, chỉ số ngành bán dẫn giảm 3,21% WoW xuống 10779,46 điểm. Lợi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 10 năm đóng cửa tuần ở mức 5,00%, giảm 8 điểm cơ bản WoW.

- **Thị trường kỳ vọng Fed giữ nguyên lãi suất tại cuộc họp tháng 10:** Theo CME FedWatch, xác suất Fed giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp tháng 10 ở quanh mức 84% (22/10). Thị trường cũng đang định giá khả năng Fed tăng lãi suất vào tháng 12. Tuy nhiên, Chủ tịch Fed Kevin Warsh cho biết tại Hội nghị thường niên IMF – Ngân hàng Thế giới (16/10) ông "không định trước kết quả các cuộc họp".

- **Dữ liệu cần theo dõi:** 1) Cuộc họp báo của Fed; 2) Chỉ số PCE và PCE cơ bản của Mỹ.

Việt Nam

- **NHNN yêu cầu giảm lãi suất:** Sau Công văn 9608/NHNN-CSTT (18/10), tại cuộc họp ngày 19/10, các ngân hàng thương mại thống nhất giảm lãi suất tiền gửi tối thiểu 50 điểm cơ bản với kỳ hạn từ 6 tháng và giảm lãi suất cho vay 1,5–2%/năm đối với sản xuất, kinh doanh và lĩnh vực ưu tiên. Theo Thời báo Tài chính Việt Nam, tính đến ngày 21/10, đã có ít nhất 24 ngân hàng giảm lãi suất kỳ hạn 12 tháng.

- **Xuất nhập khẩu đến 15/10 vượt quy mô cả năm 2025:** Tổng kim ngạch đạt 945,1 tỷ USD (cả năm 2025: 930 tỷ USD), trong đó xuất khẩu tăng 25,9% và nhập khẩu tăng 37,2%, nhập siêu 17,7 tỷ USD. Nhóm máy tính, điện tử chiếm khoảng 29% kim ngạch xuất khẩu và 42% kim ngạch nhập khẩu. Khu vực FDI xuất siêu 17,7 tỷ USD, khu vực trong nước nhập siêu 35,3 tỷ USD.

- **Việt Nam – Đan Mạch nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược toàn diện (20/10):** Hai bên nhất trí tiếp tục triển khai hiệu quả EVFTA và thúc đẩy hợp tác trong chuyển đổi xanh, năng lượng tái tạo, hạ tầng và công nghệ.(i)

- **Kết quả kinh doanh quý 3 bước đầu phân hóa:** 3/22 ngân hàng trên HOSE (~23% vốn hóa ngành) đã công bố LNST quý 3 tăng 22,4% YoY, trong khi kết quả của các công ty dịch vụ tài chính phân hóa giữa các doanh nghiệp. Lợi nhuận nhóm bất động sản tăng mạnh chủ yếu nhờ SJS và KBC, trong khi tỷ trọng vốn hóa đã công bố còn thấp (~1,9%).

- **VN-Index: 1774,15 điểm (+4% WoW) – hồi phục mạnh trong bối cảnh lãi suất trong nước hạ nhiệt.** Đà tăng chủ yếu đến từ nhóm Bất động sản, dẫn đầu là nhóm Vingroup đóng góp khoảng 64% mức tăng vốn hóa HOSE, khi thông tin nhóm NHTMNN lần lượt cắt 50bps lãi suất huy động 12 tháng.

- **Rủi ro cần theo dõi:** 1) lộ trình lãi suất của Fed, BoJ, ECB (kì họp tháng 10); 2) cuộc bầu cử giữa kỳ ở Mỹ (3/11).

(i) Xem thêm đánh giá tác động của Hiệp định VEFTA tới các doanh nghiệp niêm yết tại báo cáo chuyên đề "Việt Nam – EFTA (VEFTA): Các tác động đến công ty niêm yết trong danh mục theo dõi" (20/10/2026).

1 Tổng quan

Bối cảnh toàn cầu: Lợi suất trái phiếu hạ nhiệt nhưng vẫn neo ở mức cao

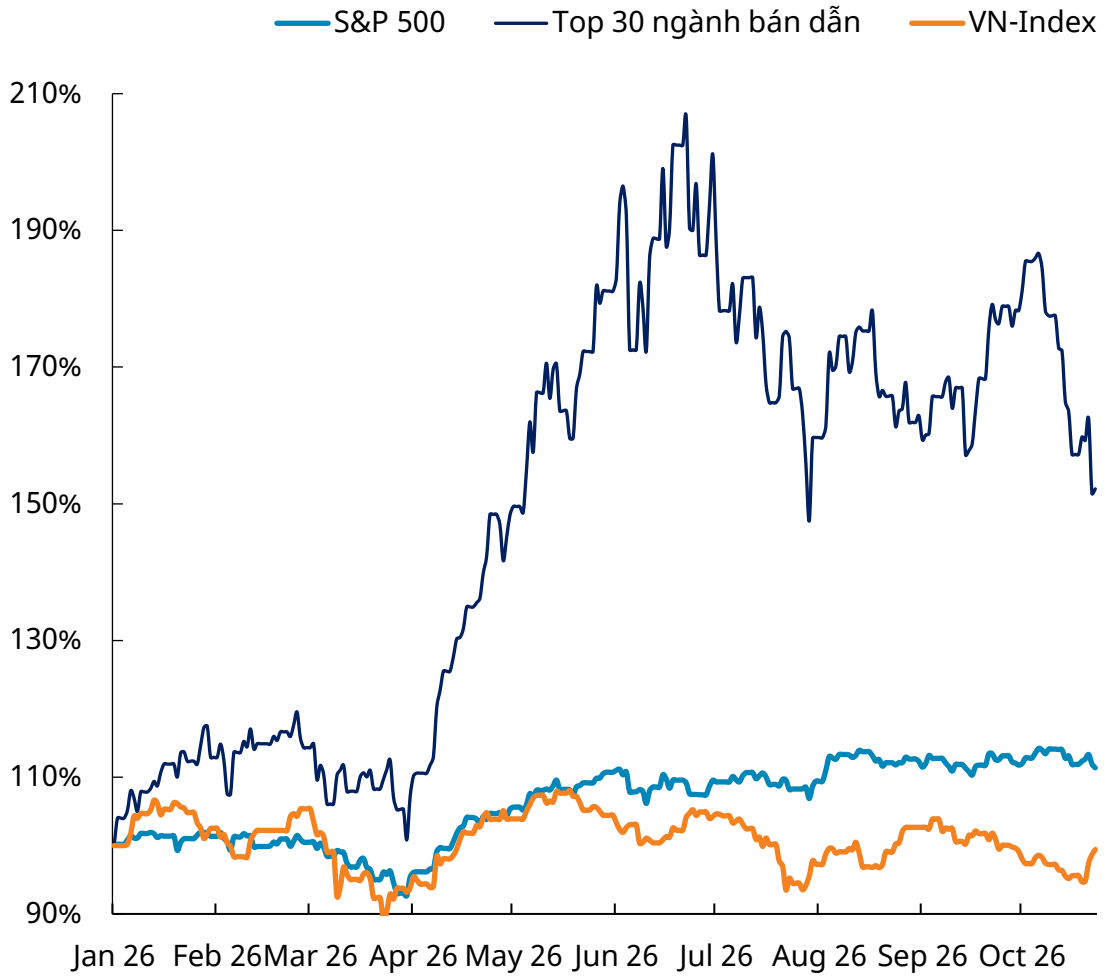
- **Chỉ số S&P 500 giảm nhẹ 0,47% WoW xuống 7623,68 điểm, trong khi chỉ số ngành bán dẫn giảm 3,21% WoW xuống 10779,46 điểm.** Theo CNBC, trong phiên 22/10, áp lực bán tập trung ở nhóm cổ phiếu AI (Meta −7%, AMD −8%, Micron −6%, Nvidia −4%), sau khi CEO Nvidia Jensen Huang cho biết trong cuộc phỏng vấn với CNBC rằng nhu cầu với các nền tảng đám mây thế hệ mới "cao vượt mức dự báo", nhưng khan hiếm vốn đang trở thành rào cản tăng trưởng. Điều này cho thấy tâm lý với nhóm cổ phiếu AI vẫn nhạy cảm trước các tín hiệu về nhu cầu vốn và triển vọng lợi nhuận.

- **Lợi suất trái phiếu Kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm giảm xuống 4,97% (22/10), lần đầu dưới 5% kể từ ngày 23/9, rồi tăng trở lại 5% (23/10),** khi áp lực bán ở nhóm cổ phiếu AI khiến dòng tiền tìm đến trái phiếu chính phủ. Kỳ hạn 30 năm dao động quanh 5,3%. Theo Fortune, tại buổi họp báo ngày 16/9, Chủ tịch Fed Kevin Warsh cho rằng việc các hyperscaler huy động vốn lớn trên thị trường trái phiếu "phần nào giải thích việc lợi suất tăng", vì "cạnh tranh về nguồn vốn là có thật".

- **Kỳ vọng Fed giữ nguyên lãi suất tại cuộc họp tháng 10 tiếp tục áp đảo, nhưng thị trường đã định giá khả năng tăng lãi suất vào tháng 12**. Theo CME FedWatch, xác suất Fed giữ nguyên lãi suất trong cuộc họp tháng 10 vẫn ở quanh mức 84% (22/10). Tại Hội nghị thường niên IMF – Ngân hàng Thế giới ngày 16/10, ông Warsh cho biết ông "không định trước kết quả các cuộc họp", nhưng "thế giới nhìn chung diễn biến đúng như kỳ vọng", đồng thời, theo ABC News, ông nhận định làn sóng đầu tư AI là một "cú sốc", "tác động lên phía cầu của nền kinh tế trước khi tác động lên phía cung". Do đó, buổi họp báo và công bố PCE sắp tới có thể là cơ sở để thị trường đánh giá lại kỳ vọng tăng lãi suất vào tháng 12.

- **Sự kiện cần theo dõi:** 1) Cuộc họp báo của Fed; 2) Chỉ số PCE và PCE cơ bản của Mỹ.

Diễn biến chỉ số S&P 500, Top 30 ngành bán dẫn, và VN-Index

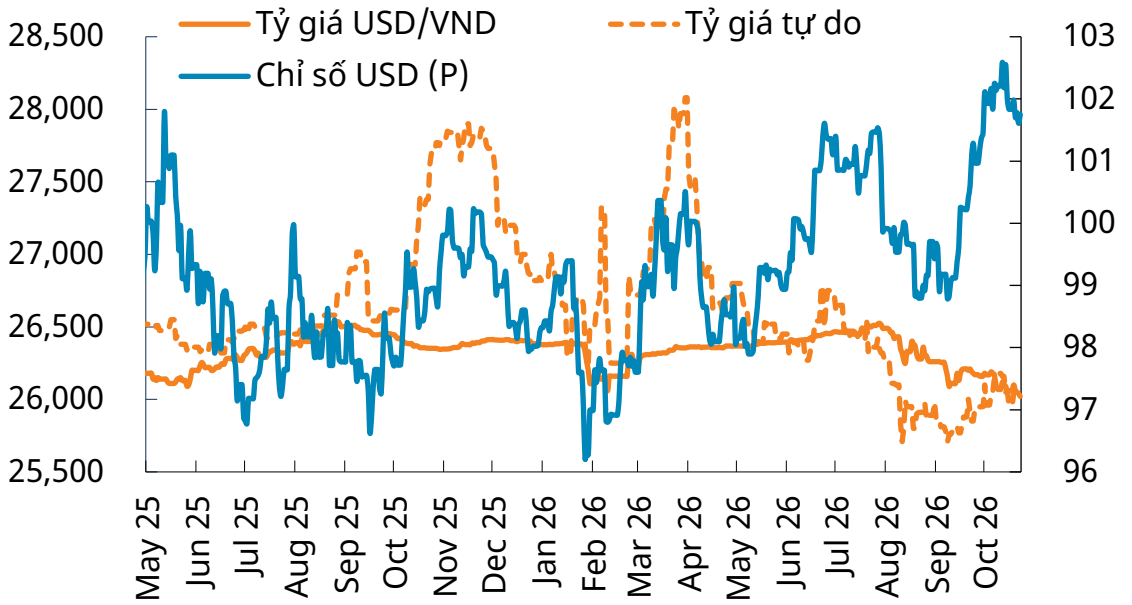


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới ngày **23/10/2026**

Thanh khoản hệ thống ổn định, tỷ giá giảm nhẹ trong tuần

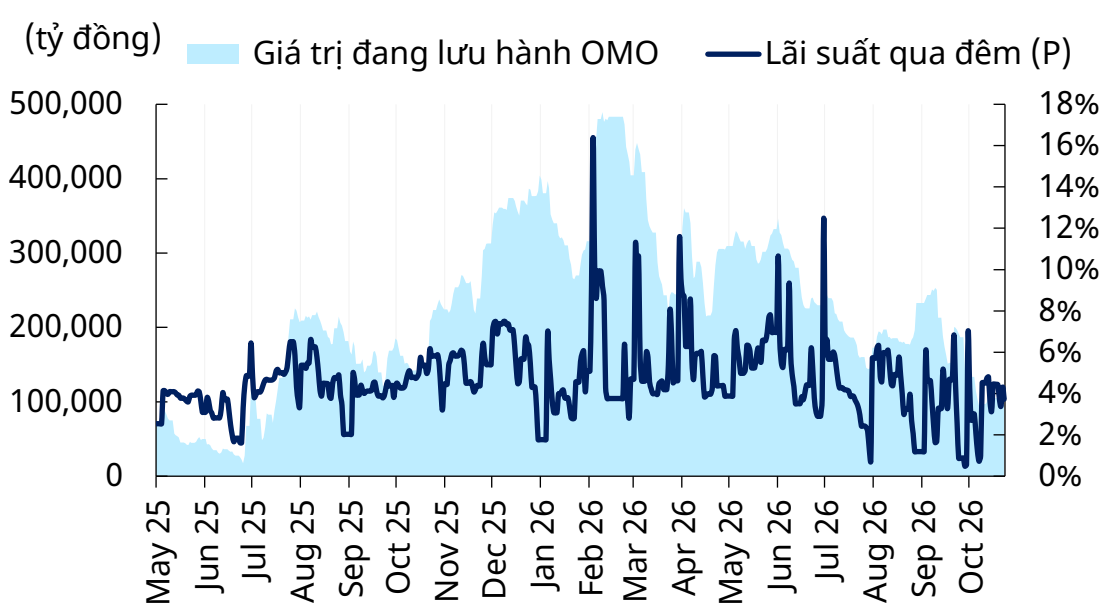
- **Tỷ giá giảm nhẹ cùng chiều với DXY trong tuần:** DXY giảm 0,1% WoW về 101,75 điểm; tỉ giá USD/VND tại VCB giảm 0,15% WoW xuống 26.020 VND/USD (24/10), trong tỷ giá tự do tăng 0,46% WoW lên 26.080 VND/USD. Từ đầu năm, hai chỉ số diễn biến ngược chiều nhau (DXY +3,5% YTD, tỷ giá −1,4% YTD). Thị trường đang chiết khấu khả năng Fed sẽ tăng lãi suất 2-3 lần nữa từ tháng 9/2026 đến tháng 9/2027, chỉ số DXY tăng lên trên vùng 100 điểm (đang dao động quanh 102 điểm – vùng cao nhất kể từ tháng 4/2025). Bối cảnh trên có thể tạo áp lực lên tỷ giá.
- **Thanh khoản ngắn hạn ổn định:** Tuần qua, NHNN bơm 1,6 nghìn tỷ đồng qua OMO (kỳ hạn 14-91 ngày) tại mức lãi suất 4,5%, lãi suất qua đêm giảm về 3,73% (−72bps WoW); **giá trị lưu hành OMO giảm 9,8 nghìn tỷ đồng.**
- **Chi phí vốn kỳ hạn dài vẫn cao:** theo VBMA, lãi suất kỳ hạn 3–9 tháng ở mức 7,3–8,6% (16/10), dư địa giảm lãi suất có thể thuận lợi hơn ở kỳ hạn ngắn.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



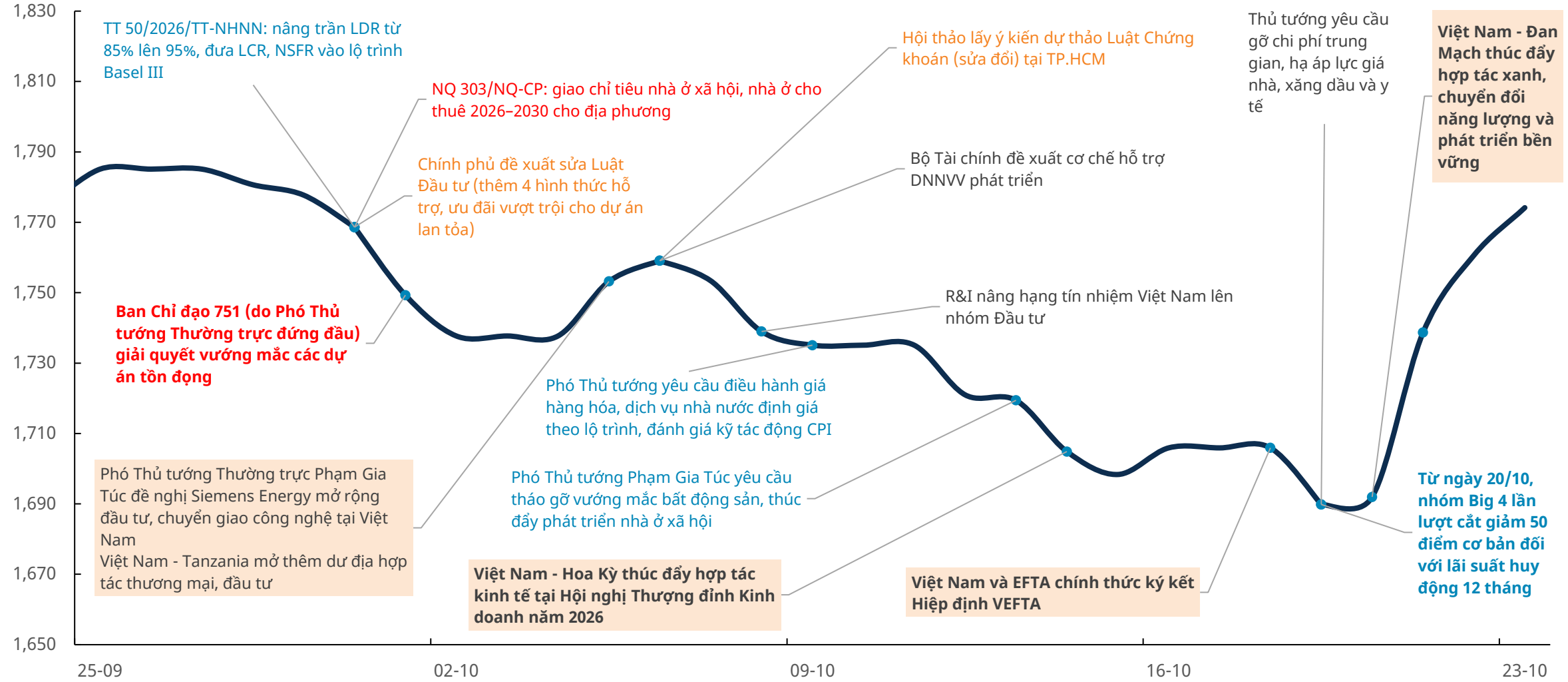
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Bloomberg và FiinPro, **cập nhật tới 23/10/2026**.

Thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ FiinPro và NHNN, **cập nhật tới 23/10/2026**

Từ ngày 20/10, nhóm Big 4 lần lượt cắt giảm 50 điểm cơ bản đối với lãi suất huy động 12 tháng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam **cập nhật tới 21/10/2026**

Xuất nhập khẩu đến 15/10 vượt quy mô cả năm 2025, với tỷ trọng lớn từ điện tử và khu vực FDI

Tổng kim ngạch XNK đến 15/10/2026 (cả năm 2025: 930 tỷ USD)

945,1 tỷ USD

Xuất khẩu

463,7 tỷ USD *(+25,9% YoY)*

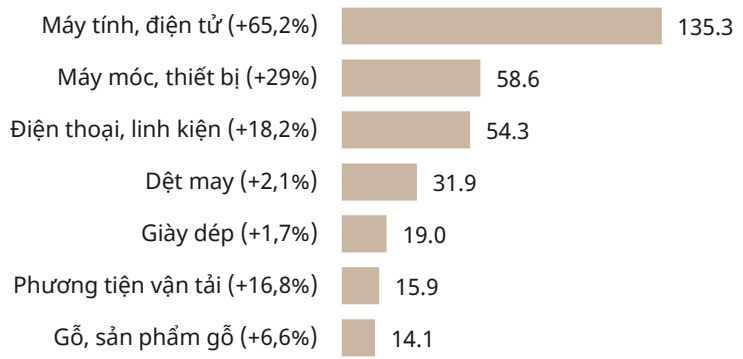
Nhập khẩu

481,4 tỷ USD *(+37,2% YoY)*

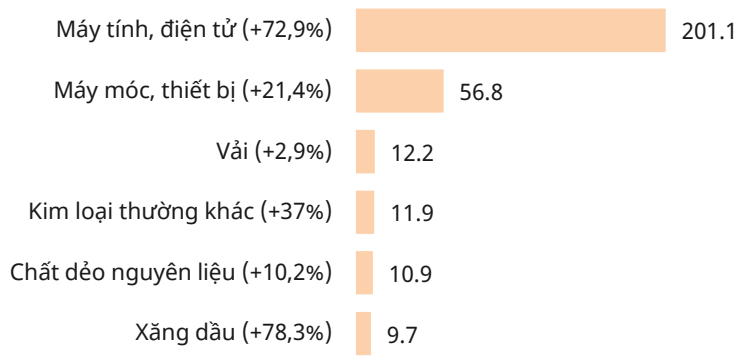
Cán cân thương mại (nhập siêu)

17,7 tỷ USD

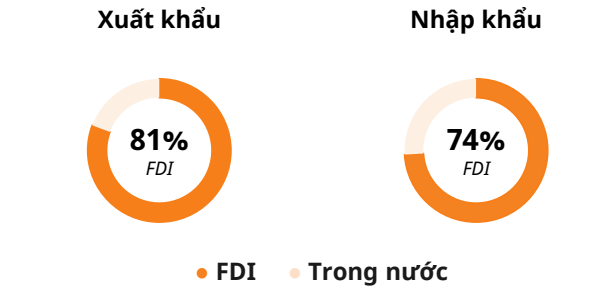
Mặt hàng xuất khẩu chính (tỷ USD, % YoY)



Mặt hàng nhập khẩu chính (tỷ USD, % YoY)



Khu vực FDI và trong nước (đến 15/10)



17,7 tỷ USD
FDI xuất siêu

35,3 tỷ USD
Nhập siêu trong nước

1 Điện tử chiếm tỷ trọng lớn ở cả hai chiều

Nhóm máy tính, điện tử chiếm 29% xuất khẩu (135,3 tỷ USD) và 42% nhập khẩu (201 tỷ USD), nhập siêu khoảng 66 tỷ USD; các nhóm còn lại xuất siêu khoảng 48 tỷ USD. Theo Cục Thống kê, tư liệu sản xuất chiếm 94,1% nhập khẩu 9 tháng 2026.

2 Xuất khẩu tập trung ở ba nhóm hàng chính

Ba nhóm xuất khẩu lớn nhất là máy tính, điện tử; máy móc, thiết bị; điện thoại, linh kiện, với tổng kim ngạch 248,2 tỷ USD, chiếm 53,5% xuất khẩu cả nước. Cùng kỳ, xuất khẩu dệt may, giày dép, gỗ tăng từ 1,7% đến 6,6%, thấp hơn mức tăng chung của xuất khẩu là 25,9%.

3 FDI xuất siêu, khu vực trong nước nhập siêu

Đến 15/10, khu vực FDI xuất khẩu 374,2 tỷ USD (tăng 31,3%, chiếm 80,7% tổng xuất khẩu) và nhập khẩu 356,5 tỷ USD (tăng 42,8%, chiếm khoảng 74% tổng nhập khẩu), xuất siêu khoảng 17,7 tỷ USD. Khu vực trong nước xuất khẩu 89,5 tỷ USD và nhập khẩu 124,8 tỷ USD, nhập siêu khoảng 35,3 tỷ USD.

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp

Việt Nam – Đan Mạch nâng cấp quan hệ; giải ngân đầu tư công đạt 64,6% kế hoạch

Việt Nam – Đan Mạch thúc đẩy hợp tác xanh, chuyển đổi năng lượng và phát triển bền vững (20/10)

- Ngày 20/10, Việt Nam và Đan Mạch nâng quan hệ lên Đối tác Chiến lược toàn diện, trọng tâm là thương mại – đầu tư, chuyển đổi xanh và năng lượng tái tạo. Theo TTXVN, thương mại hai chiều 9 tháng năm 2026 đạt 672,6 triệu USD.

Giải ngân đầu tư công đạt 64,6% kế hoạch đến 15/10

- **Giải ngân đạt 64,6% kế hoạch:** Theo Bộ Tài chính, lũy kế đến 15/10, vốn đầu tư công đã giải ngân đạt 660.739,5 tỷ đồng, tương đương 64,6% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Nếu không tính 5% vốn ngân sách địa phương tiết kiệm để đầu tư đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng, tỷ lệ này đạt 66,6%.
- **Khối lượng còn lại lớn trong hơn hai tháng cuối năm:** Còn khoảng 35,4% kế hoạch vốn chưa được giải ngân, trong khi số vốn giải ngân trong tuần 8–15/10 đạt 8.614,1 tỷ đồng.
- **Tiến độ phân hóa giữa các bộ, ngành và địa phương:** Hà Nội (118,2 nghìn tỷ đồng) và TP.HCM (105 nghìn tỷ đồng) là hai địa phương có giá trị giải ngân lớn nhất. Trong khi đó, 27 bộ, cơ quan trung ương và 15 địa phương vẫn có tỷ lệ giải ngân dưới mức bình quân cả nước, trong đó Bộ Xây dựng mới đạt 16,5%.

Chính phủ rà soát chi phí trung gian nhằm kiềm chế áp lực giá

Theo các đại biểu Quốc hội, CPI tháng 9 tăng 5,08%, bình quân 9 tháng tăng 4,52%, nhích lên trên mục tiêu 4,5% của cả năm, trong khi lãi suất cho vay mới lên 9,07%/năm. Trong bối cảnh đó, Thủ tướng Lê Minh Hưng cho biết Chính phủ đang rà soát các lĩnh vực đất đai, bất động sản, xăng dầu, điện, thuốc, thiết bị y tế và nông nghiệp nhằm loại bỏ chi phí bất hợp lý, giảm khâu trung gian và nâng cao hiệu quả quản lý.

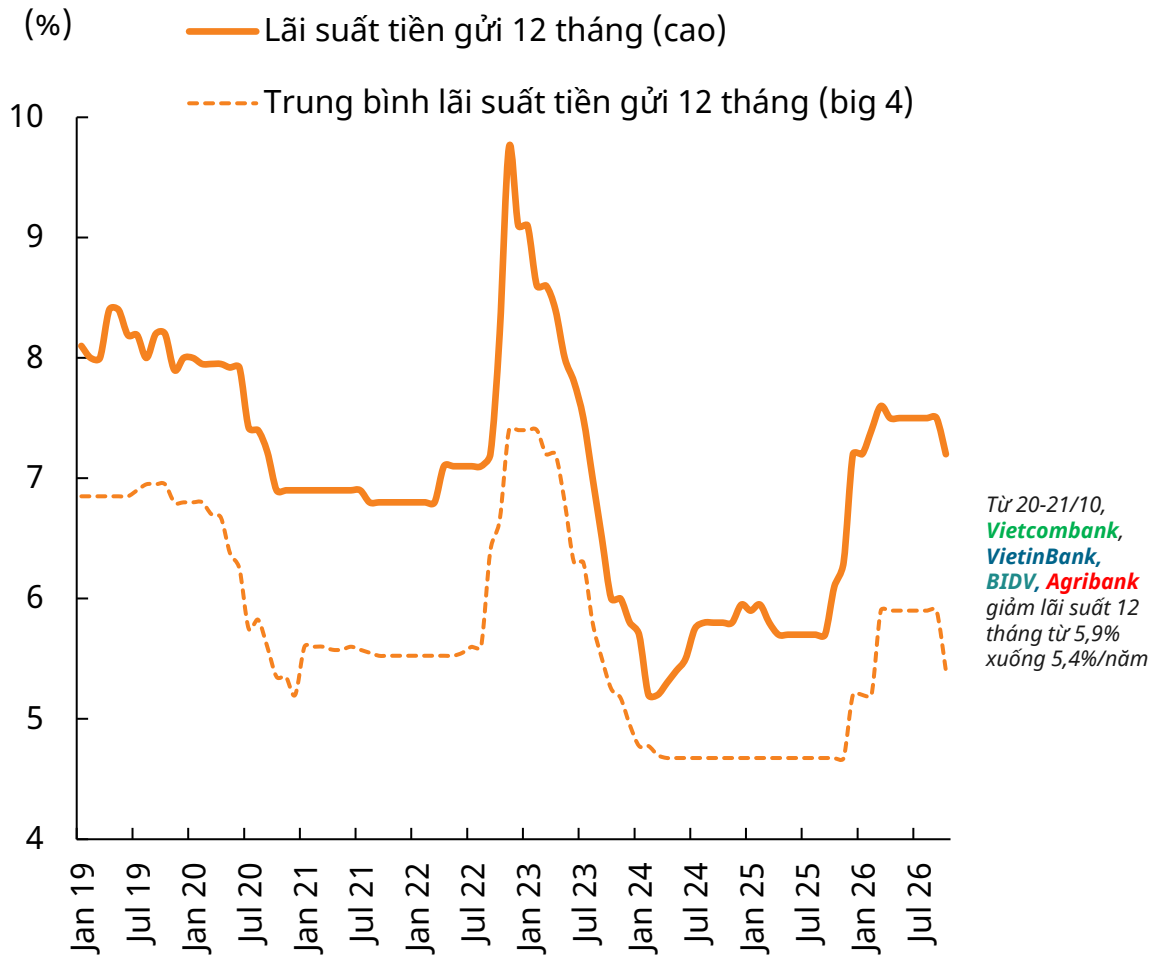
Lĩnh vực	Áp lực chính	Chỉ đạo
Xăng dầu	Theo Thủ tướng, giá thế giới tăng 65–90%; nếu không có giải pháp về thuế, giá trong nước có thể tăng tới 80%, kéo theo tác động vòng hai lên giá nhiều hàng hóa khác	Theo Thủ tướng, các giải pháp thuế đã góp phần giữ giá xăng dầu trong nước ở mức thấp so với các nước trong khu vực, qua đó hạn chế sức ép lên mặt bằng giá
Điện	Lĩnh vực nằm trong diện rà soát nhằm loại bỏ chi phí bất hợp lý	Bảo đảm cung ứng, giữ ổn định giá điện; nghiên cứu cơ cấu lại hệ thống và hoạt động của các doanh nghiệp điện lực nhằm nâng cao hiệu quả, giảm chi phí
Đất đai, nhà ở	Chi phí bất hợp lý trong lĩnh vực đất đai, bất động sản	Phát triển mạnh nhà ở xã hội, nhà cho thuê; Nhà nước điều tiết giá đất. Theo Thủ tướng, khi Quốc hội thông qua chính sách đất đai, nhà ở, "chắc chắn giá đất, giá nhà sẽ giảm"
Thuốc, thiết bị y tế	Chi phí trung gian không cần thiết khiến người bệnh phải trả giá cao	Xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, loại bỏ chi phí trung gian

Theo Thủ tướng, từ đầu năm 2026, Chính phủ đã giảm thu khoảng 235.000 tỷ đồng và gia hạn khoảng 125.000 tỷ đồng, trong khi thu ngân sách cả năm vẫn ước đạt trên 3 triệu tỷ đồng (+14% so với 2025).

Nhiều ngân hàng giảm lãi suất huy động từ 50 điểm cơ bản sau cuộc họp với NHNN (19/10)

- Ngày 16/10, Phó Thủ tướng Nguyễn Văn Thắng yêu cầu giảm lãi suất cho vay 1,5–2% đối với sản xuất, kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên.
- Ngày 18/10, NHNN ban hành Công văn 9608/NHNN-CSTT, yêu cầu các tổ chức tín dụng giảm lãi suất huy động và cho vay.
- Tại cuộc họp ngày 19/10, các ngân hàng thương mại thống nhất giảm lãi suất tiền gửi niêm yết tối thiểu 50 điểm cơ bản với kỳ hạn từ 6 tháng trở lên và giảm lãi suất cho vay 1,5–2%/năm đối với sản xuất, kinh doanh và lĩnh vực ưu tiên. Ngân hàng không tuân thủ có thể bị xem xét lại chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2026–2027 hoặc phải duy trì tỷ lệ an toàn cao hơn quy định.
- **Từ ngày 20/10, nhóm Big 4 lần lượt cắt giảm 50 điểm cơ bản đối với lãi suất huy động 12 tháng**. Vietcombank và Agribank điều chỉnh từ ngày 20/10, BIDV và VietinBank từ ngày 21/10, đưa lãi suất kỳ hạn 12 tháng của cả bốn ngân hàng từ 5,9% về 5,4%/năm. Theo Thời báo Tài chính Việt Nam, tính đến ngày 21/10, đã có ít nhất 24 ngân hàng giảm lãi suất kỳ hạn 12 tháng, với mức giảm sâu nhất 0,9 điểm %.

Lãi suất huy động 12 tháng của các ngân hàng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ FiinPro, **cập nhật tới 23/10/2026**

Kết quả kinh doanh quý 3 bước đầu phân hóa giữa các ngành

Dịch vụ tài chính: 21 trong tổng số 23 DNNY trên HOSE (~99,1% vốn hóa ngành) đã báo cáo LNST quý 3 giảm 47,4% YoY

- **TCX**: Quý 3: LNST đạt 1.748 tỷ đồng (+7,9% YoY), trong đó LNTT đạt 2.152 tỷ đồng, mức cao nhất theo quý từ trước đến nay; lũy kế 9 tháng, LNST đạt 4.587 tỷ đồng (+13,3% YoY).
- **VCK**: Quý 3: LNST đạt 894 tỷ đồng (−20,7% YoY), trong khi thu nhập từ cho vay ký quỹ đạt 948 tỷ đồng (+34,3% YoY), chiếm gần 46% doanh thu quý; lũy kế 9 tháng, LNST đạt 3.233 tỷ đồng (+26,1% YoY).
- **SSI**: Quý 3 (BCTC riêng): doanh thu hoạt động đạt 3.079 tỷ đồng (−25% YoY) và LNST đạt 1.043 tỷ đồng (−27% YoY), trong đó doanh thu môi giới giảm 62% YoY. Lũy kế 9 tháng, LNST đạt 3.432 tỷ đồng (+8,1% YoY).
- **HCM**: Quý 3: LNST đạt 297 tỷ đồng (−32,5% YoY); doanh thu môi giới giảm 70% YoY xuống 152 tỷ đồng, trong khi doanh thu tự doanh và kinh doanh nguồn vốn tăng 9% YoY lên 247 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng, LNST đạt 861 tỷ đồng, tương đương cùng kỳ.
- **VIX**: Quý 3: LNST đạt 174 tỷ đồng (−92,9% YoY); lũy kế 9 tháng, LNST đạt 388 tỷ đồng (−90,6% YoY). Theo BCTC riêng, hoạt động tự doanh lỗ 87 tỷ đồng trong quý 3, so với mức lãi hơn 2.700 tỷ đồng cùng kỳ.

Bất động sản: 12 trong tổng số 60 DNNY trên HOSE (~1,9% vốn hóa ngành) đã báo cáo LNST quý 3 tăng 271,2% YoY

- **SJS**: Quý 3: LNST đạt 1.012 tỷ đồng, gấp khoảng 351 lần cùng kỳ, chủ yếu từ chuyển nhượng bất động sản tại dự án Nam An Khánh; lũy kế 9 tháng, LNST đạt 1.432 tỷ đồng.
- **IJC**: Quý 3: LNTT đạt 140 tỷ đồng (−53% YoY); lũy kế 9 tháng, LNTT đạt 367 tỷ đồng (−21% YoY).

Lưu ý: Loại trừ SJS và KBC, LNST quý 3 của 10 doanh nghiệp còn lại giảm 26,5% YoY.

Kết quả kinh doanh quý 3 bước đầu phân hóa giữa các ngành

Ngân hàng: 3 trong tổng số 22 ngân hàng niêm yết trên HOSE (~23,3% vốn hóa ngành) đã báo cáo LNST quý 3 tăng 22,4% YoY

- **TCB**: Quý 3: LNST đạt 7.943 tỷ đồng (+23,7% YoY); lũy kế 9 tháng, LNST đạt 21.964 tỷ đồng (+18,0% YoY). Dư nợ cho vay khách hàng đạt 868.473 tỷ đồng (+13,1% YTD), trong đó cho vay xây dựng tăng 152,7% YTD; tiền gửi khách hàng đạt 661.391 tỷ đồng (+6,9% YTD). Tỷ lệ nợ xấu nhích lên 1,65% từ mức 1,54% cuối năm 2025.
- **VPB**: Quý 3: LNST đạt 8.644 tỷ đồng (+18,8% YoY); lũy kế 9 tháng, LNST đạt 23.227 tỷ đồng (+44,9% YoY). Dư nợ cấp tín dụng riêng lẻ đạt khoảng 1,1 triệu tỷ đồng, tăng gần 30% YTD; tổng tài sản hợp nhất vượt 1,6 triệu tỷ đồng (+27,8% YTD).
- **LPB**: Quý 3: LNST đạt 3.562 tỷ đồng (+28,9% YoY); lũy kế 9 tháng, LNST đạt 8.361 tỷ đồng (+8,7% YoY). Dư nợ cho vay khách hàng đạt 481.570 tỷ đồng (+23% YTD); huy động từ khách hàng đạt 520.976 tỷ đồng (+30% YTD); tỷ lệ nợ xấu ở mức 1,87%.

Tiêu dùng thiết yếu: 12 trong tổng số 35 DNNY trên HOSE (~52,1% vốn hóa ngành) đã báo cáo LNST quý 3 tăng 70,4% YoY

- **MSN**: Quý 3: LNST đạt 3.671 tỷ đồng, gấp khoảng 3 lần cùng kỳ (+203,7% YoY); lũy kế 9 tháng, LNST đạt 8.042 tỷ đồng (+205,3% YoY). Trong đó, công ty con Masan High-Tech Materials (MSR) ghi nhận LNTT quý 3 đạt 2.270 tỷ đồng, gấp khoảng 166 lần cùng kỳ.
- **MCH**: Quý 3: LNST đạt 1.929 tỷ đồng (+15,1% YoY); lũy kế 9 tháng, LNST đạt 5.178 tỷ đồng (+12,9% YoY).
- **DBC**: Quý 3: LNST đạt 200 tỷ đồng (−41,6% YoY); lũy kế 9 tháng, LNST đạt 863 tỷ đồng (−36,4% YoY).

2 Thị trường chứng khoán Việt Nam

VN-Index: 1774,15 điểm (+4% WoW) – Hồi phục trong bối cảnh lãi suất giảm

- **VN-Index: 1774,15 điểm (+4% WoW) – hồi phục mạnh trong bối cảnh lãi suất trong nước hạ nhiệt khi nhóm NHTMNN lần lượt cắt 50bps lãi suất huy động 12 tháng.** Đà tăng chủ yếu đến từ nhóm **Bất động sản**, dẫn đầu là nhóm Vingroup đóng góp khoảng 64% mức tăng vốn hóa HOSE (VIC +10%, VRE +9,4%, VPL +8,9%, VHM +5,4% WoW). Bên cạnh đó, KDH +7,7% WoW, cùng thời điểm Khang Điền ký hợp đồng tín dụng hạn mức gần 13.500 tỷ đồng với VietinBank cho dự án Mả Lạng và Chợ Gà – Gạo.

- Dòng tiền vào nhóm Bất động sản tăng 16% WoW, thấp hơn mức tăng 20% WoW của thị trường. Nguyên nhân chủ yếu là thanh khoản nhóm Vingroup chỉ tăng 2,8% WoW, đóng góp khoảng 1,7% vào mức tăng thanh khoản chung. Ngược lại, thanh khoản các mã BĐS còn lại tăng khoảng 40% WoW.

- Chúng tôi kỳ vọng VN-Index thiết lập vùng hỗ trợ ngắn hạn quanh 1.700–1.740 điểm. Từ vùng hỗ trợ này, chỉ số có thể hồi phục và thử thách ngưỡng kháng cự tâm lý quanh 1.800 điểm.

- **Thanh khoản tăng lên 13 nghìn tỷ/ngày (+20% WoW); khối ngoại bán ròng 969 tỷ đồng trong tuần.** Tâm lý thị trường có thể vẫn thận trọng trước cuộc họp của Fed và bầu cử giữa kỳ ở Mỹ (3/11).

Biến động vốn hóa trong tuần và xếp hạng thanh khoản theo ngành

Phân ngành GICS	Vốn hóa			Thanh khoản	
	Giá trị (nghìn tỷ)	Tỷ trọng	Thay đổi	Xếp hạng	Thay đổi
VN-Index	**8,493**	**100%**	**4%**	**54%**	**20%**
Bất động sản	2,888	34%	8%	46%	16%
Ngân hàng	2,588	30%	2%	77%	13%
Tiêu dùng thiết yếu	604	7%	1%	77%	21%
Dịch vụ tài chính	470	6%	4%	62%	53%
Nguyên vật liệu	435	5%	1%	38%	8%
Tiện ích	328	4%	2%	8%	-16%
Tiêu dùng không thiết yếu	290	3%	2%	46%	16%
Vận tải	277	3%	2%	85%	61%
Xây dựng cơ bản	255	3%	5%	85%	69%
Dầu khí	226	3%	2%	38%	-17%
CNTT	114	1%	-2%	46%	18%
Bảo hiểm	63	1%	-4%	69%	10%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. Dữ liệu cập nhật tới **23/10/2026**.
Quy tắc đánh giá của chúng tôi: Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. Tích cực (xanh) biểu thị 33.33% cao nhất; Tiêu cực (đỏ) là thấp nhất; và Trung lập (vàng) là ở giữa.

Chênh lệch giữa E/P và lãi suất tiền gửi còn mỏng; KQKD quý 3 là phép thử cho thị trường

- **KQKD quý 3 là phép thử cho thị trường:** Sau khi nhóm Big 4 giảm lãi suất 12 tháng về 5,4%/năm, mức lãi suất tiền gửi cao nhất trên thị trường vẫn ở khoảng 7,2%, trong khi E/P của VN-Index ở mức 7,4%. Chênh lệch chỉ khoảng 0,2 điểm % cho thấy sức hấp dẫn tương đối của cổ phiếu so với tiền gửi còn mỏng, trong bối cảnh lạm phát ở mức cao (theo các đại biểu Quốc hội, CPI tháng 9 tăng 5,08%). Tính hấp dẫn của thị trường có thể được cải thiện nếu: 1) mặt bằng lãi suất huy động tiếp tục giảm; 2) lạm phát hạ nhiệt; 3) lợi nhuận của các DNNY tăng trưởng.

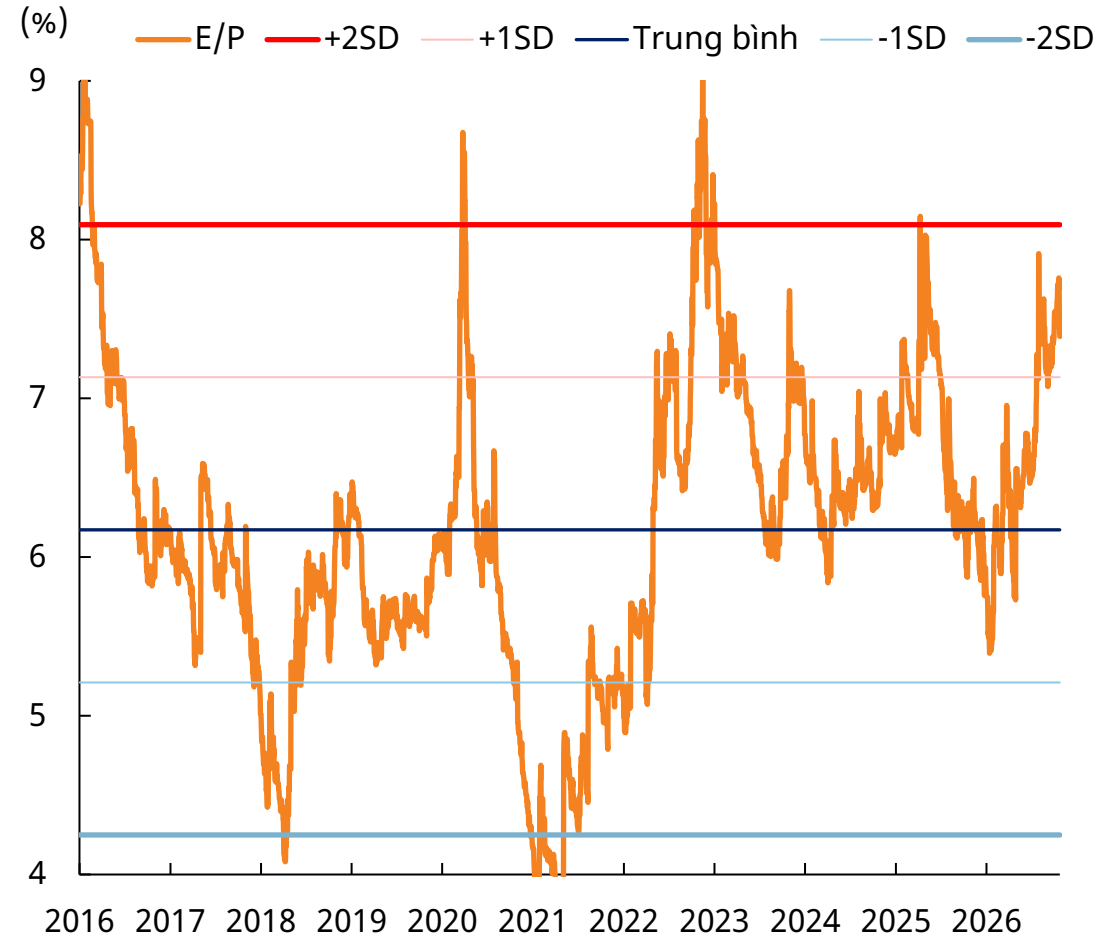
- **Những yếu tố cần theo dõi:**

1) **Rủi ro bên ngoài:** lộ trình lãi suất của Fed, BoJ, ECB (kì họp tháng 10) và cuộc bầu cử giữa kỳ ở Mỹ (3/11).

2) **Hiệu quả của các chính sách thúc đẩy tăng trưởng và khơi thông dòng vốn:** 1) Đầu tư công (tập trung các siêu dự án PPP); 2) Linh hoạt nới lỏng chính sách tiền tệ (loại trừ room tín dụng cho các siêu dự án; điều chỉnh tỷ lệ LDR...); 3) Tháo gỡ khó khăn cho các dự án tồn đọng (Ban Chỉ đạo 751) và phục hồi thị trường BĐS; 4) Cải cách môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút FDI từ các dự án bán dẫn AI.

3) **Triển khai CCP vào quý 1/2027, cải thiện khả năng tiếp cận vốn ngoại trên TTCK và giải pháp thực hiện mục tiêu nâng hạng lên thị trường mới nổi theo MSCI vào năm 2030**

VN-Index trong khung định giá E/P 10 năm gần nhất



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới **23/10/2026**.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
VN-Index		**8,493,112**	**46.0**	**1,774.15**	**1,823.12**	**1,750.83**	**0.8**	**4.0**	**-1.5**	**4.4**	**13.5**	**1.9**	**16.1**	**12.9**	**30.9**
VN30 Index		**6,452,647**	**44.7**	**1,907.09**	**1,974.17**	**1,880.89**	**0.7**	**2.8**	**-2.4**	**3.3**	**11.3**	**1.9**	**18.1**	**15.8**	**23.2**
VN100 Index		**7,770,056**	**47.1**	**1,814.59**	**1,866.66**	**1,786.01**	**1.0**	**3.6**	**-2.0**	**2.7**	**11.1**	**1.6**	**15.6**	**14.1**	**29.3**
Bất động sản	**VIC**	1,835,757	30	236,500	246,400	229,000	1.5	10.0	0.2	10.5	84.5	10.5	12.6	3.1	45.0
	VHM	528,213	30	64,300	70,300	63,000	0.5	5.4	**-5.7**	**-2.6**	6.7	2.0	33.1	6.3	43.7
	VPL	154,224	15	86,000	86,500	79,100	0.6	8.9	8.7	14.8	51.5	3.6	7.5	6.6	42.4
	VRE	56,808	40	25,000	25,300	24,600	**-1.2**	9.4	0.4	13.6	7.8	1.2	15.5	11.1	37.9
	BCM	43,108	**4**	41,650	41,900	40,300	2.1	8.0	2.7	8.5	22.8	2.0	8.9	0.4	33.6
	NVL	33,949	55	10,600	12,608	10,600	**-0.9**	**-0.5**	**-13.2**	**-15.9**	5.8	0.5	9.6	3.6	45.4
	KBC	25,427	65	27,000	27,000	25,850	**-0.4**	4.2	3.8	**-2.7**	14.5	1.0	7.0	6.2	42.8
	VPI	20,208	50	57,400	61,300	54,700	2.9	19.3	**-6.1**	**-1.5**	50.2	3.7	7.7	10.2	38.8
	KDH	18,640	65	15,100	15,300	14,273	1.3	6.7	4.8	**-7.7**	11.4	1.0	9.0	23.2	26.8
	SJS	16,153	80	54,300	56,300	54,000	**-0.2**	**-4.9**	**-3.6**	14.6	10.0	3.3	39.9	0.6	49.5
	DXG	13,252	80	10,450	10,700	10,350	**-1.4**	3.0	**-1.4**	**-0.9**	66.0	0.9	1.4	15.2	34.9
	PDR	12,123	60	12,150	12,450	11,550	0.8	8.5	4.3	0.4	19.6	1.0	4.8	2.2	46.8
	SIP	12,081	45	49,900	51,100	49,650	**-0.2**	3.3	**-0.6**	6.7	8.9	2.5	26.9	9.9	39.1
	TCH	12,040	60	12,000	12,150	11,450	0.0	7.1	3.9	10.9	40.3	1.0	2.9	9.4	41.6
	NLG	11,305	80	23,300	23,900	22,850	0.6	8.4	0.4	6.9	18.9	0.9	5.3	7.0	43.0
	TAL	11,164	30	22,150	22,450	22,000	**-0.4**	2.3	**-1.3**	8.0	12.3	2.0	19.4	35.3	14.7
	DIG	8,569	95	10,150	10,250	9,950	0.0	6.5	2.0	**-0.4**	11.0	0.9	8.4	2.6	46.4
	HDG	6,328	60	15,550	16,450	15,400	0.6	3.7	**-4.0**	**-5.2**	6.8	0.9	14.2	15.8	34.2
	KOS	1,093	40	5,050	24,200	5,050	**-6.8**	**-30.1**	**-79.1**	**-85.8**	39.8	0.5	1.2	0.1	48.9

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **23/10/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
Ngân hàng	**VCB**	474,602	11	56,800	59,200	56,200	0.9	**-0.2**	**-2.9**	5.2	11.4	1.9	18.0	19.9	10.1
	BID	266,405	**6**	34,250	36,650	33,650	1.3	0.9	**-5.8**	1.6	8.0	1.4	16.5	17.4	12.6
	TCB	242,349	55	34,200	34,350	32,200	0.1	3.0	3.2	16.9	8.5	1.3	16.3	20.6	2.0
	VPB	241,000	55	24,100	24,100	21,898	0.6	**-1.6**	9.3	21.5	7.7	1.3	18.3	24.4	5.6
	CTG	240,387	15	30,950	31,000	30,300	1.3	1.1	0.8	6.5	6.0	1.2	22.2	22.1	7.9
	MBB	199,361	50	19,800	20,200	19,650	**-0.5**	**-0.3**	**-1.0**	8.4	6.4	1.3	22.1	22.3	0.9
	HDB	146,730	80	22,550	22,550	21,154	0.9	**-1.1**	4.7	13.0	7.4	1.7	25.8	10.5	19.5
	STB	129,137	95	68,500	77,800	63,700	6.9	9.1	**-10.9**	**-4.9**	21.1	2.1	5.0	19.2	7.8
	ACB	123,634	85	21,300	22,150	20,200	3.9	3.4	**-2.3**	**-5.3**	7.9	1.2	16.7	1.5	3.5
	LPB	120,686	90	40,400	47,300	39,050	3.6	6.3	**-14.6**	**-24.2**	10.0	2.6	26.9	22.9	7.1
	SHB	58,246	75	10,900	11,750	10,600	0.9	2.3	**-6.8**	**-9.2**	4.2	0.7	17.5	0.9	29.1
	MSB	58,032	70	15,500	15,600	13,400	0.6	4.7	9.5	15.9	9.9	1.3	13.9	4.3	25.7
	SSB	57,090	55	16,650	21,600	15,950	3.7	3.1	**-18.8**	6.4	19.7	1.4	7.1	6.5	23.5
	VIB	52,929	55	14,200	14,200	13,400	1.1	2.5	4.8	6.5	7.1	1.1	16.2	3.8	1.2
	TPB	41,472	55	13,000	13,100	12,391	2.0	8.3	1.4	6.8	5.5	0.9	18.0	21.7	8.3
	EIB	33,250	80	17,850	18,100	16,400	5.3	9.2	8.2	1.1	67.6	1.3	1.9	19.1	3.0
	OCB	33,075	30	10,800	10,800	10,350	4.3	7.5	3.3	3.8	7.4	0.9	12.9	1.0	29.0
	NAB	25,941	80	12,600	12,600	12,100	2.9	4.1	3.7	0.8	5.5	1.0	19.9	0.9	29.1
Dịch vụ tài chính	**TCX**	97,883	15	29,400	31,150	29,200	**-1.5**	6.5	**-3.9**	**-14.2**	15.7	2.1	13.8	8.3	91.7
	VCK	68,056	25	27,950	29,000	27,800	**-0.9**	1.3	**-2.6**	**-8.1**	10.5	2.2	20.4	3.5	96.5
	SSI	59,637	70	19,950	21,150	19,900	**-1.0**	2.6	**-4.3**	1.7	11.8	1.5	13.9	30.1	69.9
	VPX	44,906	20	23,950	25,300	23,600	0.8	4.1	**-5.0**	**-10.0**	8.0	1.3	18.6	3.9	96.1
	VIX	32,674	100	12,700	13,200	12,400	1.2	7.2	**-1.9**	3.4	15.0	1.0	6.3	34.4	14.7
	HCM	32,399	55	24,000	25,500	23,650	**-0.4**	1.1	**-5.9**	**-7.5**	25.1	2.0	9.4	5.0	95.0
	VCI	22,584	75	19,600	20,600	19,350	0.5	3.4	**-3.0**	**-4.4**	15.2	1.3	9.5	14.7	85.3
	VND	20,932	75	13,750	15,000	13,600	0.0	3.8	**-6.8**	**-19.8**	10.0	1.0	9.9	6.8	93.2
	EVF	9,089	95	11,950	12,150	11,350	**-0.4**	3.0	4.4	**-4.8**	9.4	0.8	9.5	9.5	90.5
	DSE	8,544	35	19,950	22,300	19,500	2.0	**-3.4**	**-9.7**	**-9.9**	54.1	1.6	5.0	0.3	49.7
	FTS	7,299	40	19,150	20,950	19,150	**-0.5**	3.0	**-6.8**	**-16.7**	18.2	1.6	9.2	24.6	75.4
	BSI	7,247	14	26,850	27,200	26,500	0.0	2.5	1.3	**-8.0**	13.9	1.3	9.6	35.4	64.6
	CTS	5,976	25	21,950	22,150	21,400	1.4	4.0	2.3	**-3.5**	15.9	2.1	14.0	0.7	48.4

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **23/10/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
Bảo hiểm	BVH	51,220	**10**	69,000	69,700	68,400	0.0	**-4.2**	**-0.4**	20.6	15.4	2.0	13.4	27.2	21.8
Xây dựng cơ bản	GEE	46,436	14	72,500	74,900	67,800	**-0.7**	9.8	2.3	1.8	13.0	5.8	48.0	0.8	49.2
	GEX	31,534	70	24,100	24,950	23,450	1.9	7.1	**-1.0**	8.6	23.0	1.6	8.0	6.2	43.8
	REE	28,591	35	45,900	47,650	45,700	**-0.2**	2.1	**-3.0**	3.1	10.8	1.3	12.8	49.0	0.0
	VGC	19,952	12	44,500	45,500	41,150	0.7	2.7	6.0	13.8	14.0	2.4	16.3	1.0	48.0
	BMP	11,346	45	138,600	146,400	138,100	0.4	**-1.4**	**-4.6**	**-8.4**	9.1	3.6	39.6	82.2	17.8
	VCG	10,787	55	15,450	15,650	14,250	**-0.3**	2.0	8.4	**-2.2**	2.8	0.9	39.3	2.0	47.0
	CII	9,374	95	13,950	14,250	12,850	**-0.7**	9.0	8.1	**-1.8**	95.7	1.0	1.0	5.5	43.5
	CTR	8,827	35	68,900	72,700	68,600	0.0	1.3	**-5.0**	**-1.6**	13.5	3.9	30.9	8.3	41.7
	PC1	8,020	60	19,500	21,450	19,250	0.0	4.8	**-8.0**	**-7.1**	7.9	1.2	16.4	4.3	35.7
	CTD	7,492	55	67,000	67,800	58,100	2.3	7.4	14.5	17.8	9.5	0.8	8.5	46.4	3.6
	HHV	5,286	85	9,660	9,710	9,290	**-0.8**	1.7	3.9	**-3.9**	8.4	0.5	5.8	9.9	39.1
Nguyên vật liệu	**HPG**	176,881	60	20,950	21,250	20,950	**-1.4**	0.2	**-0.5**	0.7	7.8	1.3	17.4	21.7	27.3
	GVR	127,000	**4**	31,750	32,700	31,750	**-0.5**	1.6	**-1.2**	17.2	18.0	2.1	12.1	0.6	**-0.6**
	DCM	18,794	25	35,500	35,900	33,600	0.7	4.7	2.9	19.5	8.2	1.6	21.3	6.8	42.2
	DPM	14,720	40	21,650	23,250	21,600	**-0.9**	2.1	**-6.3**	**-4.6**	8.6	1.3	13.8	3.3	46.7
	HSG	8,920	70	11,050	11,050	10,000	0.9	6.3	9.4	5.2	13.6	0.8	5.7	3.2	45.8
	PHR	7,939	35	32,550	32,850	31,600	0.0	1.7	2.8	2.8	8.5	1.7	22.1	10.4	**-10.4**
	NKG	5,908	75	12,000	12,050	9,900	0.0	15.4	21.1	13.2	35.5	0.8	2.1	4.6	45.5
	HT1	5,171	25	13,550	13,750	12,250	1.1	9.7	8.0	10.2	13.4	1.0	7.7	2.3	**-2.3**
Vận tải	**VJC**	99,752	35	129,700	135,900	128,000	0.9	1.7	**-3.9**	1.6	45.3	3.8	8.7	5.2	24.8
	GMD	36,529	95	57,100	57,400	51,400	**-0.7**	5.7	10.1	19.0	15.1	2.7	18.6	38.8	10.2
	VTP	9,650	40	47,550	49,350	47,000	**-0.5**	1.8	**-3.5**	**-2.0**	30.2	4.2	15.5	3.9	45.1
	VSC	5,653	95	15,100	15,500	13,250	3.8	16.2	13.5	6.0	16.5	1.0	6.7	2.1	46.9

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **23/10/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

4 VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
Tiêu dùng không thiết yếu	**MWG**	111,415	75	75,500	75,500	72,400	0.3	2.2	3.1	5.6	11.3	3.1	30.2	49.0	0.0
	FRT	26,823	55	150,000	154,000	131,200	-1.0	6.4	7.1	37.6	23.6	5.6	29.7	33.7	15.3
	DGW	10,319	55	46,200	47,000	44,900	1.1	3.8	-0.8	32.9	12.2	2.7	24.5	27.1	21.9
	PNJ	8,930	90	17,450	35,900	17,300	-6.2	-7.2	-50.6	-47.2	3.7	0.7	17.8	28.8	20.2
Tiêu dùng thiết yếu	**MCH**	185,521	20	141,900	143,500	140,000	0.6	1.4	0.1	4.3	25.4	10.2	42.6	11.1	88.9
	VNM	120,381	40	57,600	61,300	57,500	-0.9	-0.3	-4.8	-0.3	12.2	3.8	31.1	49.7	50.3
	MSN	108,360	60	74,200	75,300	69,600	0.4	3.9	6.3	15.9	11.9	2.6	24.6	24.6	75.4
	SAB	55,407	11	43,200	44,700	43,100	-0.5	0.5	-2.3	-8.1	12.0	2.8	22.6	58.8	41.2
	SBT	19,581	60	20,950	22,750	20,700	-1.2	-7.5	-7.7	1.0	26.6	1.6	6.6	23.7	76.3
	HAG	18,631	50	14,700	14,800	13,800	0.0	2.1	5.0	4.6	5.5	1.2	26.0	1.7	47.3
	KDC	14,038	45	50,800	51,200	50,300	-0.4	0.4	-0.4	4.1	26.1	2.4	9.1	12.4	37.6
	BAF	11,492	70	31,500	31,750	30,900	0.0	1.6	-0.3	8.6	115.5	2.6	3.2	3.5	46.5
	VHC	10,913	40	52,100	52,800	49,500	1.2	3.0	3.6	-3.3	8.0	1.2	15.5	17.5	82.5
	DBC	7,091	70	16,450	16,550	15,900	2.5	4.8	3.5	2.2	7.0	0.8	12.2	1.2	47.8
	ANV	5,072	30	19,050	19,600	16,200	0.8	4.4	17.2	11.4	5.9	1.3	24.3	20.1	29.0
	PAN	4,537	45	18,100	18,700	17,950	-1.1	-0.5	-1.6	-13.8	3.8	0.8	21.8	1.8	47.2
Dầu khí	**BSR**	145,462	**8**	29,050	31,950	28,900	-0.5	2.5	-7.2	24.4	7.3	2.0	30.4	1.6	47.4
	PLX	45,868	**10**	35,450	36,750	35,300	-1.1	1.1	-2.6	6.1	14.7	1.7	9.1	14.3	5.7
	PVD	17,349	50	18,700	19,200	18,550	-1.1	5.9	-1.6	1.1	18.0	1.0	5.4	8.1	41.9
	PVT	12,251	50	23,700	24,000	23,100	0.4	0.2	2.6	39.8	8.6	1.3	14.9	16.4	32.6
Tiện ích	**GAS**	188,934	**5**	78,300	86,500	78,100	0.3	2.9	-7.7	17.2	14.9	2.7	18.4	2.1	46.9
	POW	38,502	20	12,550	12,900	12,450	0.0	2.9	-1.6	-7.4	6.3	0.9	16.1	4.0	46.0
	BWE	10,569	25	42,050	42,050	40,500	-0.8	0.1	1.6	-3.3	10.3	1.6	16.0	2.1	47.0
	NT2	6,938	30	24,100	24,350	20,750	-1.0	3.4	13.7	12.9	4.8	1.3	28.9	10.1	38.9
CNTT	**FPT**	107,486	85	57,000	67,000	56,600	-0.7	-2.1	-13.8	-3.1	10.7	2.7	27.3	27.9	21.1
	CMG	4,600	40	19,750	23,450	19,650	-2.0	0.0	-13.4	-20.0	11.7	1.4	12.4	35.9	14.1

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **23/10/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS). công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy. nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan. đại diện hoặc bảo đảm. rõ ràng hay ngụ ý. về tính công bằng. chính xác. đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt. bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp. có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương. các thông lệ chung. luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết. chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung. không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư. tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá. và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS. các chi nhánh và giám đốc. cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định. quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS. các chi nhánh và giám đốc. cán bộ. nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán. hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác. trong từng trường hợp. với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có. hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư. tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản. toàn bộ hoặc một phần. mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS). a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable. but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee. representation or warranty. express or implied. as to the fairness. accuracy. completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language. the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment. its common practices. laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives. financial situations. or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate. and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed. and a loss of original capital may occur. MAS. its affiliates and their directors. officers. employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with. and reach different conclusions from. the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions. views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS. its affiliates and their directors. officers. employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale. or offer to make a purchase or sale. of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise. in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had. or may be expecting to enter into. business relationships with the subject companies to provide investment banking. market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published. in whole or in part. without the prior written consent of MAS.